

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1. Tên môn học (tiếng Việt) : LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
2. Tên môn học (tiếng Anh) : HISTORY OF VIETNAMESE COMMUNIST PARTY
3. Mã số môn học : MLM309
4. Trình độ đào tạo : Đại học
5. Ngành đào tạo áp dụng : Tất cả các ngành/chuyên ngành đào tạo
6. Số tín chỉ : 02
7. Phân bổ thời gian : 100 giờ
 - Trực tiếp : 30 giờ
 - o Lý thuyết : 30 giờ
 - o Thực hành : 00 giờ
 - Trực tuyến : không vượt quá 30% tổng thời gian giảng dạy.
 - Tự học, tự nghiên cứu : 70 giờ (để chuẩn bị bài, tự học, làm bài tập).
 - Khác (ghi cụ thể) : 00 giờ
8. Khoa quản lý môn học : Khoa Lý luận chính trị
9. Môn học trước : Triết học Mác - Lênin
10. Mô tả môn học

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học thuộc giai đoạn đại cương, bao gồm 4 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng; quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn; thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

11. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

11.1. Mục tiêu của môn học

| Ký hiệu mục tiêu (COx) | Mô tả mục tiêu | Nội dung CDR CTĐT phân bổ cho môn học | Ký hiệu CDR CTĐT (PLOn) |
|------------------------|---|--|-------------------------|
| (a) | (b) | (c) | (d) |
| CO1 | Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quá trình ra đời, phát triển của Đảng, đảm bảo tính hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn trong bối cảnh phát triển của đất nước và thế giới ngày nay | Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp. | PLO1 |
| CO2 | Hình thành tư duy, khả năng phân tích, đánh giá và nhận diện đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong tiến trình cách mạng từ năm 1930 đến nay | Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời. | PLO4 |
| CO3 | Góp phần giúp sinh viên nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn công tác góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa | Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng | PLO5 |

11.2. Chuẩn đầu ra của môn học (CDR MH) và sự đóng góp vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CDR CTĐT)

| Ký hiệu CDR MH (CLOi) | Nội dung CDR MH | Mức độ theo thang đo | Đáp ứng mục tiêu môn học (COx) | Ký hiệu CDR CTĐT (PLOn) |
|-----------------------|--|----------------------|--------------------------------|-------------------------|
| (a) | (b) | (c) | (d) | (e) |
| CLO1 | Tóm tắt được quá trình thành lập Đảng, ý nghĩa lịch sử của việc thành lập. | 2 | CO1 | PLO1 |
| CLO2 | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển đường lối lãnh đạo của Đảng trong từ năm 1930 đến nay | 2 | CO1 | PLO1 |
| CLO3 | Hiểu và giải thích các đường lối, chủ trương của Đảng | 2 | CO2 | PLO4 |
| CLO4 | Tuân theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam, ý thức | 2 | CO3 | PLO5 |

| | | | | |
|--|---|--|--|--|
| | được trách nhiệm công dân, chủ động, tự tin, bản lĩnh, có ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn. | | | |
|--|---|--|--|--|

11.3. Ma trận tích hợp giữa CDR MH (CLOi), CDR CTĐT (PLOn) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (PI_{n.k}):

| Mã CDR CTĐT | PLO1 | PLO4 | | PLO5 | |
|-------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Mã PI | PI 1.1 | PI 4.1 | PI 4.2 | PI 5.1 | PI 5.2 |
| Mã CDR MH | | | | | |
| CLO1 | 2 | | | | |
| CLO2 | 2 | | | | |
| CLO3 | | 2 | 2 | | |
| CLO4 | | | | 2 | 2 |

12. Phương pháp và hình thức dạy và học

12.1. Phương pháp dạy và học

Với mức độ thang đo 2 của chuẩn đầu ra môn học, học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đặt trọng tâm nhiệm vụ của (1) giảng viên là vận dụng các phương pháp giảng dạy sau đan xen và lồng ghép trong từng buổi học: Phương pháp Thuyết giảng; Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/học tập theo nhóm; Phương pháp bài tập. Nhiệm vụ của (2) sinh viên là trình bày hoặc diễn giải lại; và tóm tắt thông tin hoặc kiến thức; mô tả hoặc giải thích các sự kiện lịch sử Đảng hoặc nội dung đường lối quá trình thực hiện đường lối của Đảng trong thực tiễn bằng cách sử dụng các từ khác với những từ được sử dụng trong quá trình giảng dạy; xác định đúng quá trình vận động của lịch sử, ý nghĩa của các đường lối hoặc Cương lĩnh của Đảng; bổ sung nội dung mới hoặc giải thích lý thuyết cơ bản; liên hệ kiến thức mới với kiến thức đã học; trình bày các ý chính một cách trực quan (bằng cách sử dụng sơ đồ tư duy bảng biểu, biểu đồ hoặc hình ảnh).

Theo đó, việc dạy và học môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam được thực hiện như sau:

* Phương pháp thuyết giảng: (1) Giảng viên trình bày và giảng giải nội dung thông tin có định hướng về quá trình thành lập Đảng, đường lối lãnh đạo của Đảng trong suốt thời kỳ lịch sử cho đến nay và giải đáp các thuật ngữ chuyên ngành liên quan môn học. Giảng viên định hướng nội dung trọng tâm trên lớp, chủ yếu nhấn mạnh các sự kiện lịch sử quan trọng, quan điểm cốt lõi của Đảng ở mỗi chương. Trước buổi đầu tiên, giảng viên cần gửi tất cả bài giảng và thông tin của môn học lên LMS. Việc giảng lý thuyết này

nhằm cung cấp nền tảng kiến thức môn học, kết hợp với việc sinh viên tích cực học tập cá nhân hoặc theo nhóm, sẽ giúp sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra CLO1, CLO2.

(2) Sinh viên phải đọc tài liệu trước theo yêu cầu quy định của đề cương môn học với các chương tương ứng với nội dung học.

* Phương pháp hướng dẫn làm bài tập (viết, hoặc trình bày): (1) Giảng viên tổ chức cho sinh viên làm các bài tập vận dụng lí thuyết môn học (thường thực hiện trong lớp và không chấm điểm) nhằm giúp người học khai thác học liệu, nắm vững kiến thức và chuẩn bị tốt cho bài tập có đánh giá điểm. Giảng viên sẽ nêu lên một vấn đề cần được suy nghĩ, trao đổi, chia sẻ. Giảng viên sẽ định hướng, hướng dẫn và phân tích các ý kiến trao đổi của sinh viên, từ đó hệ thống hoá lại làm cơ sở để dẫn dắt đến lý thuyết.

(2) Sinh viên sẽ dành một khoảng thời gian ngắn để chuẩn bị phần trả lời câu hỏi có thể bằng hình thức trao đổi với bạn trong nhóm hoặc trao đổi trên lớp. Sau mỗi bài tập, sinh viên sẽ hiểu sâu, chính xác lý thuyết, đồng thời hình thành kĩ năng, vận dụng lý thuyết, trong nhiều trường hợp qua bài tập sinh viên tự rút ra các kết luận, các quy tắc khoa học. Việc giảng theo phương pháp này nhằm hệ thống hoá và dẫn dắt lý thuyết nền tảng từ các vấn đề cụ thể, kết hợp với việc tích cực trao đổi, sẽ giúp sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra CLO3, CLO4.

* Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/học tập theo nhóm: (1) Giảng viên chuẩn bị các chủ đề thảo luận/thuyết trình, tổ chức chia nhóm, giám sát quá trình làm việc và hỗ trợ người học đúc kết vấn đề. Các vấn đề chưa hiểu có thể thảo luận nhóm hoặc đề nghị giảng viên hướng dẫn thêm. (2) Sinh viên thực hiện hoạt động học tập hoặc tạo ra một sản phẩm theo nhóm nhỏ từ hai đến sáu người trong hoặc ngoài lớp học, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Các nhóm tiến hành thuyết trình: chủ đề thuyết trình được thực hiện dưới dạng power point hoặc các hình thức mô phỏng khác; Mỗi nhóm trình bày trong 15 - 20 phút tùy thuộc vào chủ đề hoặc tình huống cụ thể và theo yêu cầu của giảng viên. Phương pháp này nhằm tạo cơ hội giúp sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.

12.2. Hình thức dạy và học:

Giảng viên có thể chủ động lựa chọn hình thức giảng dạy là giảng dạy trực tiếp cho toàn bộ thời gian của môn học hoặc lựa chọn hình thức giảng dạy trực tuyến kết hợp trực tiếp, nhưng phải đảm bảo tổng thời gian giảng dạy trực tuyến không vượt quá 30% thời gian giảng dạy của cả môn học.

13. Quy định của môn học

- Quy định về nộp bài tập, bài kiểm tra: sinh viên không nộp bài tập và báo cáo đúng hạn được coi như không nộp bài.
- Quy định về chuyên cần: sinh viên được yêu cầu tham dự đầy đủ các buổi học.
- Nội quy lớp học: Sinh viên tham dự lớp học phải tuân thủ quy tắc ứng xử của nhà trường; sinh viên phải đến lớp đúng giờ, đảm bảo thời gian học trên lớp, có thái độ nghiêm túc và chủ động, tích cực trong học tập, nghiên cứu. Sinh viên phải có ý thức chuẩn bị giáo trình, học liệu, máy tính cá nhân (khi cần thiết) để phục vụ quá trình học tập.

14. Tài liệu học tập

14.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

14.2. Tài liệu tham khảo

[2] Ngô Thị Kim Liên (chủ biên), Nguyễn Quốc Toàn, Hà Thanh Quyền, Hồ Việt Hà, Trương Thị Thùy Dung (2023). *Sách tham khảo môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb Lao động xã hội.

14.3. Tài liệu khác: không có

B. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

1. Cơ cấu phương thức đánh giá môn học

| Loại hình đánh giá | Phương pháp đánh giá | Số lượng bài đánh giá | CĐR MH được đánh giá | Trọng số |
|-----------------------|-------------------------------|-----------------------|------------------------------|----------|
| 1. Đánh giá quá trình | 1.1. Đánh giá tính chuyên cần | 01 | | 10% |
| | 1.2. Đánh giá quá trình 1 | 01 | CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 | 20% |
| | 1.3. Đánh giá quá trình 2 | 01 | CLO1 CLO2 | 20% |
| 2. Đánh giá cuối kỳ | 2.1. Bài đánh giá cuối kỳ | 01 | CLO1 CLO2 | 50% |

2. Phương pháp và công cụ đánh giá

2.1. Đánh giá quá trình

2.1.1. Đánh giá tính chuyên cần

- a. Hình thức đánh giá: Điểm danh
- b. Thời điểm, cách thức thực hiện bài đánh giá: trực tiếp trong các buổi học tùy cách thức GV tổ chức lớp học, nhằm mục tiêu đánh giá việc sinh viên tham dự đầy đủ các buổi học.
- c. Nội dung, kết cấu bài đánh giá: không quy định
- d. Rubric đánh giá

| Tiêu chí | Tỷ lệ | Mức chất lượng | | | |
|---|-------|---|-------------------------------|----------------------------------|---|
| | | Rất tốt | Tốt | Đạt yêu cầu | Không đạt |
| | | 10 - 8.5 | 8.4 - 7.0 | 6.9 - 5.0 | 4.9 - 0.0 |
| Mức độ tham dự lớp theo thời khóa biểu học phần | 50% | Tham dự > 90% số buổi học | Tham dự 80% - 90% số buổi học | Tham dự 70% - 80% số buổi học | Tham dự <70% số buổi học |
| Mức độ tham gia các hoạt động học tập | 50% | Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi | Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi | Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi | Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp |

2.1.2. Đánh giá quá trình 1

- a. Hình thức đánh giá: Thuyết trình.
- b. Thời điểm, cách thức thực hiện bài đánh giá: Sau khi kết thúc nội dung kiến thức 4 chương học. Bài thuyết trình được thực hiện theo nhóm, mỗi nhóm có tối đa 10 sinh viên, tính theo thang điểm 10 theo 3 tiêu chí như rubric đánh giá. Mỗi nhóm sẽ có 25-30 phút để thực hiện thuyết trình. Việc lập nhóm được thực hiện vào buổi học đầu tiên.
- c. Nội dung, kết cấu bài đánh giá: Các chủ đề thuyết trình được giảng viên cung cấp vào buổi học đầu tiên để các nhóm lựa chọn. Các chủ đề thuyết trình bám sát nội dung kiến thức bài học và có liên hệ thực tiễn đời sống.
- d. Rubric đánh giá:

| Tiêu chí | CĐR | Tỷ lệ | Mức chất lượng | | | | |
|--|---------------|-------|--|--|----------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| | | | Rất tốt | Tốt | Khá | Đạt yêu cầu | Không đạt |
| | | | 10 - 8.5 | 8.4 - 7.0 | 6.9 - 5.5 | 5.4 - 4.0 | 3.9 - 0 |
| Trình bày các ý chính của chủ đề hoặc tình huống một | CLO1 PI1.1 | 50% | Có bố cục đầy đủ, rõ ràng, đáp ứng được đầy đủ | Có bố cục đầy đủ, chặt chẽ, đáp ứng được đầy | Có bố cục đầy đủ, cơ bản đáp ứng | Có bố cục không đầy đủ, thiếu | Không biết cách trình bày bố |

| | | | | | | | |
|--|---------------|-----|--|---|---|---|---|
| cách trực quan (bằng cách sử dụng sơ đồ tư duy hoặc bảng biểu, biểu đồ hoặc hình ảnh). | | | những kiến thức cơ bản về chủ đề, đồng thời có sự sáng tạo, nét mới trong hình thức và nội dung. | đủ những kiến thức cơ bản về chủ đề. | được yêu cầu về kiến thức cơ bản về chủ đề | kiến thức cơ bản về chủ đề | cục, nội dung không đủ kiến thức về chủ đề |
| Mô tả hoặc giải thích các sự kiện lịch sử Đảng hoặc nội dung và quá trình thực hiện đường lối của Đảng trong chủ đề hoặc tình huống bằng cách sử dụng các từ khác với những từ được sử dụng trong quá trình giảng dạy. | CLO2 PI1.1 | 15% | Trình bày lưu loát có trọng tâm, làm nổi bật vấn đề và có tương tác tốt với người nghe | Trình bày khá lưu loát, có trọng tâm, có tương tác khá tốt với người nghe | Trình bày đã có sự tương tác với người nghe ở mức độ nhất định | Chỉ đọc chữ khi trình bày, không để ý đến người nghe. | Dùng điện thoại hoặc tài liệu để đọc nội dung, không nhìn và tương tác với người nghe |
| Có khả năng tổ chức và quản lý cá nhân trong việc hoàn thành nhiệm vụ nhóm | CLO3 PI4.1 | 15% | Có phân công nhiệm vụ và đánh giá được mức độ tham gia của 100% thành viên | Có phân công nhiệm vụ và đánh giá được mức độ tham gia của 50% thành viên | Có phân công nhiệm vụ và đánh giá được mức độ tham gia của < 50% thành viên | Có phân công nhiệm vụ nhưng không đánh giá mức độ thực hiện | Không có phân công nhiệm vụ cụ thể |
| Tham gia bổ sung nội dung mới hoặc liên hệ | CLO3 PI4.2 | 10% | Nội dung mới được bổ sung một cách sáng tạo và | Nội dung được liên kết một cách logic và | Nội dung chỉ mang tính chất tổng | Không có sự sáng tạo, chỉ là sự lặp lại | Thiếu sự kết nối rõ ràng, không |

| | | | | | | | |
|---|---------------|----|---|--|--|---|---|
| kiến thức mới với kiến thức đã học. | | | độc đáo, có sự khác biệt trong cách tiếp cận vấn đề hoặc trong việc liên kết kiến thức. | có tổ chức, tạo thành một hệ thống chặt chẽ giữa kiến thức mới và đã học. | quan, không cung cấp đủ chi tiết hoặc không đảm bảo độ đầy đủ. | hoặc tái diễn kiến thức đã học mà không thêm giá trị mới. | có cấu trúc hoặc hệ thống trong cách bổ sung kiến thức. |
| Xác định đúng ý nghĩa của chủ đề hoặc tình huống để tuân thủ theo pháp luật và đạo đức nếu gặp phải trong thực tế | CLO4 PI5.1 | 5% | Xác định đúng ý nghĩa và mô tả một cách chính xác đầy đủ | Xác định đúng ý nghĩa nhưng chưa trình bày đầy đủ | Xác định đúng ý nghĩa nhưng chưa biết cách trình bày | Chỉ có hiểu biết cơ bản, xác định chưa đầy đủ ý nghĩa | Chưa xác định được ý nghĩa |
| Hành xử chuyên nghiệp trong trả lời và phản biện ý kiến của giảng viên và các nhóm khác | CLO4 PI5.2 | 5% | Trả lời tốt và chính xác những câu hỏi liên quan vấn đề thảo luận thêm do giảng viên hoặc các nhóm khác đặt ra. | Trả lời khá chính xác những câu hỏi liên quan vấn đề thảo luận thêm do giảng viên hoặc các nhóm khác đặt ra. | Trả lời được ở mức độ cơ bản những câu hỏi liên quan vấn đề thảo luận do giảng viên hoặc các nhóm khác đặt ra. | Hầu như không trả lời được câu hỏi do giảng viên hoặc các nhóm khác đặt ra. | Không hiểu và không trả lời được câu hỏi của giảng viên và các nhóm khác đặt ra |

2.1.3. Đánh giá quá trình 2:

- a. Hình thức đánh giá: Kiểm tra trắc nghiệm khách quan không sử dụng tài liệu.
- b. Thời điểm, cách thức thực hiện bài đánh giá: Sau khi kết thúc nội dung học về Chương 2 – Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Bài kiểm tra có thể thực

hiện bằng đề thi trên giấy hoặc đề thi trên LMS theo hình thức cá nhân. (trong trường hợp cần thiết, có thể thay thế bằng hình thức kiểm tra online; trong trường hợp này, giảng viên sẽ thông báo chi tiết đến sinh viên ít nhất 1 tuần trước ngày kiểm tra về thời gian giao đề, thời gian thực hiện bài kiểm tra, phương thức làm bài và nộp bài kiểm tra qua mạng internet).

c. Nội dung, kết cấu bài đánh giá: Bài đánh giá gồm 40 câu trắc nghiệm, nội dung kiểm tra phân bố đều trong kiến thức thuộc Chương 1, Chương 2, với thời gian làm bài 45 phút. Các câu hỏi trắc nghiệm được thiết kế ở mức độ miền nhận thức Hiểu trong bảng phân loại Bloom.

d. Ma trận đề:

| Tên các nội dung, chủ đề, mạch kiến thức | Các mức độ nhận thức | | Tổng cộng |
|---|--|--|--|
| | Mức 1 (Biết) | Mức 2 (Hiểu) | |
| Chủ đề: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) Số câu: 20 Số điểm: 5đ Tỷ lệ: 50% | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO1 Số câu: 4 Số điểm: 1đ Tỷ lệ: 10% | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO1 Số câu: 6 Số điểm: 1.5đ Tỷ lệ: 15% | Số câu: 10 Điểm: 2.5đ Tỷ lệ: 25% |
| | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO2 Số câu: 4 Số điểm: 1đ Tỷ lệ: 10% | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO2 Số câu: 6 Số điểm: 1.5đ Tỷ lệ: 15% | Số câu: 10 Điểm: 2.5đ Tỷ lệ: 25% |
| Chủ đề: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975) Số câu: 20 Số điểm: 5đ Tỷ lệ: 50% | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO1 Số câu: 4 Số điểm: 1đ Tỷ lệ: 10% | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO1 Số câu: 6 Số điểm: 1.5đ Tỷ lệ: 15% | Số câu: 10 Điểm: 2.5đ Tỷ lệ: 25% |
| | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO2 Số câu: 4 Số điểm: 1đ Tỷ lệ: 10% | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO2 Số câu: 6 Số điểm: 1.5đ Tỷ lệ: 15% | Số câu: 10 Điểm: 2.5đ Tỷ lệ: 25% |
| Tổng số câu: 40 Tổng số điểm: 10 Tỷ lệ: 100% | Số câu: 16 Số điểm: 4đ Tỷ lệ: 40% | Số câu: 24 Số điểm: 6đ Tỷ lệ: 60% | Số câu: 40 Điểm: 10đ Tỷ lệ: 100% |

2.2. Đánh giá cuối kỳ

- Đề thi do Khoa/Bộ môn quản lý học phần ra đề hoặc trích xuất từ Ngân hàng câu hỏi thi của Trường.

- Hình thức đánh giá: (đánh dấu X lựa chọn hình thức đánh giá)

| Hình thức đánh giá | | Lựa chọn |
|--|----------------------------|----------|
| Vấn đáp | | |
| Tự luận | | |
| Trắc nghiệm khách quan | | X |
| Trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận | | |
| Thực hành trên máy tính | | |
| Tiểu luận/đồ án/bài tập lớn (cá nhân) | Nộp bài không thuyết trình | |
| | Nộp bài có thuyết trình | |
| Tiểu luận/đồ án/bài tập lớn (nhóm) | Nộp bài không thuyết trình | |
| | Nộp bài có thuyết trình | |

- Thời gian làm bài (tối thiểu – tối đa): 45 phút.
- Mô tả về kết cấu đề thi: Bài thi cuối kỳ được tính theo thang điểm 10. Mỗi đề thi gồm 40 câu hỏi trắc nghiệm được phân bổ có tỷ lệ hợp lý giữa các cấp độ và các chương đã được thiết lập trong ngân hàng câu hỏi thi. Các câu hỏi trắc nghiệm có 4 phương án lựa chọn và chỉ có một phương án đúng.
- Mô tả về phạm vi nội dung của đề thi: đề thi đánh giá nội dung từ chương 1 đến chương 3 ngoại trừ những phần sinh viên tự nghiên cứu.
- Ma trận đề:

| Tên các nội dung, chủ đề, mạch kiến thức | Các mức độ nhận thức | | Tổng cộng |
|---|---|--|--|
| | Mức 1 (Biết) | Mức 2 (Hiểu) | |
| Chủ đề: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) Số câu: 12 Điểm: 3đ Tỷ lệ: 30% | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO1 Số câu: 2 Số điểm: 0.5đ Tỷ lệ: 5% | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO2 Số câu: 4 Số điểm: 1đ Tỷ lệ: 10% | Số câu: 6 Số điểm: 1.5đ Tỷ lệ: 15% |
| | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO1 Số câu: 2 Số điểm: 0.5đ Tỷ lệ: 5% | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO2 Số câu: 4 Số điểm: 1đ Tỷ lệ: 10% | Số câu: 6 Số điểm: 1.5đ Tỷ lệ: 15% |
| Chủ đề: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO1 Số câu: 2 Số điểm: 0.5đ Tỷ lệ: 5% | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO1 Số câu: 4 Số điểm: 1đ Tỷ lệ: 10% | Số câu: 6 Số điểm: 1.5đ Tỷ lệ: 15% |
| | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO2 | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO2 | Số câu: 7 Số điểm: 1.75đ |

| | | | |
|---|--|---|---|
| TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975) Số câu: 13 Điểm: 3.25đ Tỷ lệ: 32.5% | Số câu: 3 Số điểm: 0.75đ Tỷ lệ: 7.5% | Số câu: 4 Số điểm: 1đ Tỷ lệ: 10% | Tỷ lệ: 17.5% |
| Chủ đề: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY) Số câu: 15 Số điểm: 5đ Tỷ lệ: 50% | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO1 Số câu: 3 Số điểm: 0.75đ Tỷ lệ: 7.5% | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO1 Số câu: 4 Số điểm: 1đ Tỷ lệ: 10% | Số câu: 7 Số điểm: 1.75đ Tỷ lệ: 17.5% |
| | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO2 Số câu: 3 Số điểm: 0.75đ Tỷ lệ: 7.5% | Chuẩn kiến thức cần kiểm tra: CLO2 Số câu: 5 Số điểm: 1.25đ Tỷ lệ: 12.5% | Số câu: 8 Số điểm: 2đ Tỷ lệ: 20% |
| Tổng số câu: 40 Tổng số điểm: 10 Tỷ lệ: 100% | Số câu: 15 Số điểm: 3.75đ Tỷ lệ: 37.5% | Số câu: 25 Số điểm: 6.25đ Tỷ lệ: 62.5% | Số câu: 40 Điểm: 10đ Tỷ lệ: 100% |

- Quy định về việc sử dụng tài liệu: Sinh viên không sử dụng tài liệu.
- Các quy định khác về bài đánh giá: không có.

C. NỘI DUNG CHI TIẾT GIẢNG DẠY

| Thời lượng (giờ) | Nội dung giảng dạy | CĐR MH | Hoạt động Phương pháp dạy và học | Bài đánh giá | Học liệu |
|------------------|---|--------|--|--------------|--|
| (a) | (b) | (c) | (d) | (e) | (g) |
| 03 | <p>CHƯƠNG NHẬP MÔN: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</p> <p>1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p><i>1.1.1. Các sự kiện lịch sử Đảng</i></p> <p><i>1.1.2. Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách lớn của Đảng</i></p> <p><i>1.1.3. Quá trình chỉ đạo, tổ chức thực tiễn trong tiến trình cách mạng</i></p> <p><i>1.1.4. Hệ thống tổ chức Đảng, công tác xây dựng Đảng qua các thời kỳ lịch sử</i></p> <p>1.2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p><i>1.2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng</i></p> <p><i>1.2.2. Nhiệm vụ của của khoa học Lịch sử Đảng</i></p> <p>1.3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p><i>1.3.1. Quán triệt phương pháp luận sử học</i></p> <p><i>1.3.2. Các phương pháp cụ thể</i></p> <p>Các nội dung sinh viên tự nghiên cứu:</p> <p>1.2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng</p> <p>1.2.2. Nhiệm vụ của của khoa học Lịch sử Đảng</p> <p>1.3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> | CLO1 | <p>GIẢNG VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu các thông tin cơ bản về môn học và thông tin liên hệ của giảng viên. - Tổ chức chia nhóm để chuẩn bị thảo luận các chủ đề. - Tóm tắt nội dung cơ bản chương nhập môn - Luận giải và thảo luận nội dung lý thuyết, cung cấp và phân tích ví dụ minh họa <p>SINH VIÊN:</p> <p><i>Học ở lớp hoặc online:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng viên tóm tắt nội dung cơ bản và trao đổi kiến thức với giảng viên. <p><i>Tự học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu chương 1 và củng cố lại kiến thức nền. | 1.1 1.2 | [1]: Chương nhập môn [2]: Chương nhập môn |
| 07 | CHƯƠNG 1: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM | CLO1 | GIẢNG VIÊN: | 1.1 | [1]: Chương 1, |

| | | | | |
|---|-------------------------------------|---|----------------------------------|----------------------|
| <p>RA ĐÒI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)</p> <p>1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)</p> <p>1.1.1. Bối cảnh lịch sử</p> <p>1.1.1.1 Tình hình thế giới</p> <p>1.1.1.2. Tình hình Việt Nam và các phong trào yêu nước trước khi có Đảng</p> <p>1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng</p> <p>1.1.2.1. Chuẩn bị về tư tưởng</p> <p>1.1.2.2. Chuẩn bị về chính trị</p> <p>1.1.2.3. Chuẩn bị về tổ chức</p> <p>1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>1.1.3.1. Các tổ chức cộng sản ra đời</p> <p>1.1.3.2. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>1.1.3.3. Nội dung bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2-1930)</p> <p>1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>1.2. Lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)</p> <p>1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932- 1935</p> <p>1.2.1.1. Phong trào cách mạng năm 1930-1931 và Luận cương chính trị (10-1930)</p> <p>1.2.1.2. Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 10/1930</p> <p>1.2.1.3. Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, Đại hội Đảng lần thứ nhất (tháng 3/1935)</p> | <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt nội dung cơ bản chương 1 - Luận giải và thảo luận nội dung lý thuyết, cung cấp và phân tích ví dụ minh họa - Tổ chức và hướng dẫn sinh viên thảo luận vấn đề/giải quyết bài tập tình huống <p>SINH VIÊN:</p> <p><i>Học ở lớp hoặc online:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng viên tóm tắt nội dung cơ bản và trao đổi kiến thức với giảng viên. - Thảo luận, nhận xét và đánh giá về vấn đề thảo luận /giải quyết bài tập tình huống. - Làm bài tập cá nhân tại lớp hoặc trên LMS <p><i>Tự học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem trước bài giảng chương 2; đọc trước chương 2 trong tài liệu học tập - Đọc tài liệu chương 2 và củng cố lại kiến thức nền. | <p>1.2</p> <p>1.3</p> <p>2.1</p> | <p>[2]: Chương 1</p> |
|---|-------------------------------------|---|----------------------------------|----------------------|

| | | | | | |
|----|--|----------------------|---|--------------------------|---------------------------------|
| | <p>1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939 1.2.2.1. Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng 1.2.2.2. Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình</p> <p>1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 1.2.3.1. Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng 1.2.3.2. Phong trào chống Pháp-Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang 1.2.3.3. Cao trào kháng Nhật cứu nước 1.2.3.4. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền</p> <p>1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 1.2.4.1. Tính chất 1.2.4.2. Ý nghĩa 1.2.4.3. Bài học kinh nghiệm</p> <p>Các nội dung sinh viên tự nghiên cứu: 1.2.1.3. Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, Đại hội Đảng lần thứ nhất (tháng 3/1935) 1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939</p> | | | | |
| 10 | <p>CHƯƠNG 2: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975) 2.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946) 2.1.1.1. Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 2.1.1.2. Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách</p> | CLO2 CLO3 CLO4 | <p>GIẢNG VIÊN: - Tóm tắt nội dung cơ bản chương 2 - Luận giải và thảo luận nội dung lý thuyết, cung cấp và phân tích ví dụ minh họa - Tổ chức và hướng dẫn sinh viên thảo luận vấn đề/giải quyết bài tập tình huống</p> <p>SINH VIÊN: <i>Học ở lớp hoặc online:</i> - Nghe giảng viên tóm tắt nội dung cơ bản và trao đổi kiến</p> | 1.1 1.2 1.3 2.1 | [1]: Chương 2, [2]: Chương 2 |

| | | | |
|---|---|--|--|
| <p>mạng</p> <p>2.1.1.3. Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ</p> <p>2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện (1946–1950)</p> <p>2.1.2.1. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng</p> <p>2.1.2.2. Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến (1947 – 1950)</p> <p>2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951-1954)</p> <p>2.1.3.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và Chính cương của Đảng (2-1951)</p> <p>2.1.3.2. Đẩy mạnh phát triển cuộc kháng chiến về mọi mặt</p> <p>2.1.3.3. Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến</p> <p>2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ</p> <p>2.1.4.1. Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến</p> <p>2.1.4.2. Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến</p> <p>2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)</p> <p>2.2.1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền giai đoạn (1954-1965)</p> <p>2.2.1.1. Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954–1960)</p> | <p>thức với giảng viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, nhận xét và đánh giá về vấn đề thảo luận /giải quyết bài tập tình huống. - Làm bài tập cá nhân tại lớp hoặc trên LMS. - Tham gia kiểm tra giữa kỳ. <p><i>Tự học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem trước bài giảng chương 3; đọc trước chương 3 trong tài liệu học tập. - Đọc tài liệu chương 2 và củng cố lại kiến thức nền. | | |
|---|---|--|--|

| | | | | | |
|----|--|---|--|----------------------------------|--|
| | <p>2.2.1.2. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam (1961-1965)</p> <p>2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước (1965 - 1975)</p> <p>2.2.2.1. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng</p> <p>2.2.2.2. Xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ vững chiến lược tiến công, đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ (1965-1968)</p> <p>2.2.2.3. Khôi phục kinh tế, bảo vệ Miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1969-1975)</p> <p>2.2.3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954- 1975</p> <p>2.2.3.1. Ý nghĩa</p> <p>2.2.3.2. Kinh nghiệm</p> <p>Các nội dung sinh viên tự nghiên cứu:</p> <p>2.1.1.3. Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ</p> <p>2.1.3.2. Đẩy mạnh phát triển cuộc kháng chiến về mọi mặt</p> <p>2.1.3.3. Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến</p> <p>2.1.4.2. Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến</p> <p>2.2.3.2. Kinh nghiệm</p> | | | | |
| 10 | <p>CHƯƠNG 3: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (từ năm 1975 đến nay)</p> <p>3.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ</p> | <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO7</p> | <p>GIẢNG VIÊN:</p> <p>- Giới thiệu mục tiêu và nội dung chương 3;</p> <p>- Tổ chức và hướng dẫn sinh viên thảo luận vấn đề/giải quyết</p> | <p>1.2</p> <p>1.3</p> <p>2.1</p> | <p>[1]: Chương 3,</p> <p>[2]: Chương 3</p> |

| | | | |
|--|---|--|--|
| <p>quốc (1975-1986) 3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 3.1.1.1. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước 3.1.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986 3.1.2.1. Đại hội lần thứ V của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội 3.1.2.2. Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay) 3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996 3.2.1.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và thực hiện đổi mới toàn diện 3.2.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2.1.3. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng 3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế 1996 -2018 3.2.2.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá 3.2.2.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, tiếp tục thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất</p> | <p>bài tập tình huống - Tổ chức kiểm tra giữa kỳ cho 2 chương 1, 2. SINH VIÊN: <i>Học ở lớp hoặc online:</i> - Nghe giảng viên tóm tắt nội dung cơ bản và trao đổi kiến thức với giảng viên. - Thảo luận, nhận xét và đánh giá về vấn đề thảo luận /giải quyết bài tập tình huống. <i>Tự học:</i> - Đọc tài liệu chương 1,2,3 trong tài liệu học tập và củng cố kiến thức nền</p> | | |
|--|---|--|--|

| | | | | |
|---|--|--|--|--|
| <p>nước</p> <p>3.2.2.3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội</p> <p>3.2.2.4. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991</p> <p>3.2.2.5. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế</p> <p>3.2.2.6. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phá đầu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo hướng định hướng XHCN</p> <p>3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới</p> <p>3.2.3.1. Thành tựu</p> <p>3.2.3.2. Hạn chế</p> <p>3.2.3.3. Những hạn chế, khuyết điểm trên đây có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu</p> <p>Các nội dung sinh viên tự nghiên cứu:</p> <p>3.1.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc</p> <p>3.1.2.1. Đại hội lần thứ V của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội</p> <p>3.2.1.3. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng</p> <p>3.2.2.3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội</p> <p>3.2.2.5. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế</p> <p>3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới</p> | | | | |
|---|--|--|--|--|

| | | | | |
|----|---|--|-------------------|---------------------------------|
| 05 | KẾT LUẬN <i>- Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam</i> <i>- Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng</i> | GIẢNG VIÊN: - Giới thiệu mục tiêu và nội dung phần Kết luận; - Tổ chức và hướng dẫn sinh viên thảo luận vấn đề/giải quyết bài tập tình huống. - Tổ chức ôn tập kiến thức SINH VIÊN: <i>Học ở lớp hoặc online:</i> - Nghe giảng viên tóm tắt nội dung cơ bản và trao đổi kiến thức với giảng viên. - Thảo luận, nhận xét và đánh giá về vấn đề thảo luận /giải quyết bài tập tình huống. <i>Tự học:</i> - Tự ôn tập. | 1.2 1.3 2.1 | [1]: Chương 3, [2]: Chương 3 |
|----|---|--|-------------------|---------------------------------|

TRƯỞNG BỘ MÔN



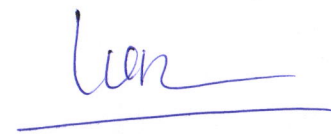
TS. Ngô Thị Kim Liên

TRƯỞNG KHOA



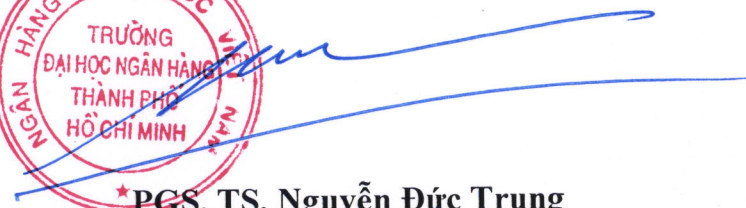
TS. Cung Thị Tuyết Mai

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Ngô Thị Kim Liên

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Đức Trung